TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2018.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lô Thùy Linh.

Bà Lê Thanh Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn *tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 Về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng A, sinh năm: 1977; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Băc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Lô Thúy B, sinh năm: 1985; trú tại: Thôn L, thị trấn M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 18/01/2018, cũng như lời khai tại phiên toà nguyên đơn anh Nguyễn Trọng A trình bày có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B chung sống với nhau từ năm 2011 và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C. Trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu sau đó được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp

nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên, gây ảnh hưởng xấu đến công việc làm ăn và sinh hoạt của cả gia đình, bản thân anh và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo chị B nhưng chị B không nghe, tình cảm vợ chồng mỗi ngày một lạnh nhạt không còn quan tâm tới nhau nữa. Đến tháng 4 năm 2017 chị B bế 02 con bỏ về bên ngoại ở từ đó cho đến nay, vợ chồng chính thức sống ly thân từ thời gian đó. Nay xác định tình cảm không còn nên anh Nguyễn Trọng A xin ly hôn với chị Lô Thúy B.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 28/9/2012, cháu Nguyễn Tú H, sinh ngày 17/11/2015, khi ly hôn anh A đồng ý để chị Lô Thúy B được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Trọng A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu là 2.500.000đ/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng A khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2018 bị đơn chị Lô Thúy B trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thúy B và anh Nguyễn Trọng A kết hôn vào ngày 18 tháng 12 năm 2011, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, và có được đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Trọng A bỏ đi ngoại tình với người con gái khác, nên không quan tâm đến gia đình vợ con, chị B đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh A không nghe vẫn đi ngoại tình dẫn đến cô gái đó có thai. Do vậy đến tháng 4 năm 2017 chị B đã bế cả 02 con về bên ngoại sinh sống từ đó cho đến nay và sống ly thân với anh A, không ai quan tâm tới ai nữa. Nay anh A làm đơn xin ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 28/9/2012, cháu Nguyễn Tú H, sinh ngày 17/11/2015, khi ly hôn chị B yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và yêu cầu anh Nguyễn Trọng A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu là 2.500.000đ/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lô Thúy B yêu cầu anh Nguyễn Trọng A phải trả cho chị B số tiền là 300.000.000đ. Nhưng không cho biết đó là tiền gì và không cung cấp chứng cứ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên có quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; Thư ký đã thực hiện

đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh Nguyễn Trọng A được ly hôn chị Lô Thúy B. Về con chung: Giao cho chị Lô Thúy B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Anh Nguyễn Trọng A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu là 2.500.000đ/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài chung, nợ chung, vay chung: Không yêu cầu , không giải quyết. Về yêu cầu của chị Lô Thúy B đòi số tiền 300.000.000đ, nhưng không rõ là tiền gì, chị B không cung cấp chứng cứ, không có căn cứ để xem xét, không chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thúy B.

Về chứng cứ, anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B có giấy chứng nhận kết hôn, có bản sao giấy khai sinh của 02 con chung, có bản tự khai nêu rõ quá trình chung sống và mâu thuẫn của hai người.

Anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B kết hôn từ năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên, tình cảm vợ chồng mỗi ngày một lạnh nhạt không còn quan tâm tới nhau. Đến tháng 4 năm 2017 chị B bế 02 con bỏ về bên ngoại ở, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm không còn nên anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B có 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 28/9/2012, cháu Nguyễn Tú H, sinh ngày 17/11/2015, khi ly hôn anh A đồng ý để chị Lô Thúy B được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Trọng A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu là 2.500.000đ/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Lô Thúy B đồng ý. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng A khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các tình tiết nêu trên anh Nguyễn Trọng A đưa ra, chị Lô Thúy B không phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Nguyễn Trọng A không phải chứng minh.

Về yêu cầu của chị Lô Thúy B đòi anh Nguyễn Trọng A phải trả cho chị B 300.000.000đ, (ba trăm triệu đồng), anh A phản đối, chị B phải chứng minh nhưng chị không chứng minh được yêu cầu của chị là có căn cứ và hợp pháp.

Hai bên đương sự thống nhất ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn. Không thống nhất được về khoản tiền 300.000.000đ. Anh Nguyễn Trọng A cho rằng chị Lô Thúy B đòi khoản tiền này là nhằm gây khó cho anh. Anh và chị B không có tài sản chung để chia và anh cũng không nợ tiền chị B, còn chị B đưa ra yêu cầu nhưng không cung cấp chứng cứ và cũng không lập luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "Về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con." theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng. Trong quá trình xét xử bị đơn là chị Lô Thúy B không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, phiên tòa mở lại vào ngày 08/5/2018 bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 15/6/2012 do Ủy ban nhân thị trấn M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, sau đó giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nguyên nhân dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi mắng nhau, anh A và chị B đã chính thức sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lô Thúy B cũng thừa nhận mâu thuẫn của hai vợ chồng đến mức trầm trọng không thể quay về đoàn tụ được và hiện nay vợ chồng đang sống ly thân, anh A xin ly hôn chị B cũng đồng ý.

[4] Anh Nguyễn Trọng A không còn tình cảm, không thương yêu đối với chị Lô Thúy B, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn, anh A yêu cầu ly hôn, chị B cũng đồng ý nhưng tại phiên tòa chị B vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Nguyễn Trọng A được ly hôn chị Lô Thúy B, nội dung này cũng phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về trách nhiệm nuôi con: Anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B có hai con chung là cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 28/9/2012, cháu Nguyễn Tú H, sinh ngày 17/11/2015. Hiện nay các cháu đang ở với chị B tại thôn L, thị trấn M, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án anh A đồng ý để cho chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu Nguyễn Trọng T, cháu Nguyễn Tú H cho chị Lô Thúy B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh A có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng). Anh Nguyễn Trọng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định, mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trọng A khai không có và không yêu cầu nên Toà án không đề cập giải quyết. Chị Lô Thúy B yêu cầu anh A phải trả cho chị B 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), tại bản tự khai và tại phiên hòa giải chị B không nói rõ khoản tiền này là tiền gì, Tòa án đã yêu cầu chị B cung cấp chứng cứ để chứng minh nhưng chị B không cung cấp nên Tòa án không chấp nhận khoản tiền này vì không có căn cứ..

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn chị Lô Thúy B không phải chịu án phí sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 110, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng A. Xử cho anh Nguyễn Trọng A và chị Lô Thúy B được ly hôn.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 28/9/2012, cháu Nguyễn Tú H, sinh ngày 17/11/2015 cho chị Lô Thúy B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Trọng T, cháu Nguyễn Tú H đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng A là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng A có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là các cháu Nguyễn Trọng T, cháu Nguyễn Tú H, cho chị Lô Thúy A mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/5/2018 cho đến khi các cháu Nguyễn Trọng T, cháu Nguyễn Tú H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lô Thúy B nếu anh Nguyễn Trọng A không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng anh Nguyễn Trọng A còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản: Xử không chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thúy B yêu cầu anh Nguyễn Trọng A phải trả cho chị số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Về án phí: Anh Nguyễn Trọng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/04783 ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chi Lăng; anh Nguyễn Trọng A còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí.

Báo cho nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Hoàng Thế Khuynh